TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2023
V/v ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng,

Ông Hoàng Hào.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Lê Huân -Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Phương Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 03/2022/QĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Y; sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu: Thôn Lúa, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân T; sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu: Thôn Lúa, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định; hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

Tại phiên tòa: Anh T, chị Y vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 4 năm 2014 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung. Khoảng tháng 09/2018 anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn

gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án tỉnh Nam Định giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2015 hiện tại đang ở với chị. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Y vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày vẫn giữ nguyên lời trình bày, quan điểm như trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa cho anh T thông qua bà Phùng Thị Hồng N (là mẹ đẻ của anh T) và yêu cầu bà N thông báo cho anh T và trình bày quan điểm bằng văn bản về việc chị Y xin ly hôn và cung cấp địa chỉ của anh T tại Nhật Bản gửi về cho Tòa án, nhưng anh T không có văn bản trình bày quan điểm về việc chị Y xin ly hôn và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Bà Phùng Thị Hồng N là mẹ đẻ của anh Nguyễn Xuân T trình bày: Anh Nguyễn Xuân T là con đẻ của bà, hiện nay anh T đang đi lao động xuất khẩu tại nước Nhật Bản, nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể nơi ở, nơi làm việc của anh T. Từ khi anh T đi lao động xuất khẩu, giữa gia đình bà và anh T thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội Zalo và Facebook. Trước khi, anh T đi Nhật Bản đã kết hôn với chị Phạm Thị Y vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2015 hiện tại đang ở cùng với chị Y.

Bà đã nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đã thông báo cho anh T qua mạng xã hội Zalo và bà cũng thông báo cho cho anh T viết quan điểm trình bày về việc chị Y xin ly hôn gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, nhưng anh T có trả lời là vì lý do công việc bận rộn nên anh T không thể về Việt Nam giải quyết việc ly hôn được và cũng không viết được bản tự khai trình bày quan điểm về việc chị Y xin ly hôn anh gửi về Toà án nhân dân tỉnh Nam Định được, việc chị Y xin ly hôn anh T nhất trí, về con chung, anh T nhất trí giao 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2015 cho chị Y nuôi dưỡng và anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, khi anh T về Việt Nam thì giữa anh và chị Y sẽ tự giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã M, huyện V cung cấp: Anh Nguyễn Xuân T và chị Phạm Thị Y có đăng ký kết hôn vào vào ngày 29 tháng 4 năm 2014 tại Uỷ ban

nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống anh T và chị Y có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2015 hiện nay đang ở với chị Y. Quá trình chung sống anh T và chị Y có mâu thuẫn nhưng không có đơn đề nghị cơ sở xóm và Uỷ ban nhân dân xã hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Y đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; do chị Y không cung cấp được địa chỉ của bị đơn là anh T tại nước Nhật Bản, thông qua thân nhân xác định anh T vẫn liên lạc với gia đình tại Việt Nam nhưng gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Nhật Bản cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản văn bản tố tụng thông qua thân nhân của anh T và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Xuân T. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T, giao con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2015 cho chị Y nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Y.

[1.1] Chị Phạm Thị Y xin ly hôn anh Nguyễn Xuân T hiện đang cư trú tại nước Nhật Bản nhưng chị Y không cung cấp được địa chỉ nơi ở, nơi làm việc của anh T. Thông qua thân nhân là bà Phùng Thị Hồng N (mẹ đẻ anh T) xác định anh T vẫn liên lạc với gia đình nhưng bà N không cung cấp được địa chỉ nơi ở, nơi làm việc của anh T tại nước Nhật Bản. Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh T thông qua bà N và yêu cầu bà N thông báo cho anh T viết quan điểm về việc chị Y xin ly hôn gửi về cho Tòa án, nhưng anh T không hợp tác. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do vậy, Tòa án tiếp tục tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T thông qua bà N là mẹ đẻ anh T bao gồm: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa để bà N thông báo cho anh T. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử lần thứ hai

nhưng anh T đều vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 29 tháng 4 năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sinh sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sau đó anh T đi lao động xuất khẩu tại nước Nhật Bản đến nay chưa về Việt Nam. Do xa cách, vợ chồng không liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Y và anh T không còn và không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử ly hôn giữa chị Y và anh T.

[3] Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2015, hiện nay cháu Linh đang ở với chị Y. Vợ chồng ly hôn chị Y có tự nguyện xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị Y đang nuôi dưỡng cháu Linh còn anh T hiện đang sinh sống ở Nhật Bản, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Y phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Y.

Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 04-7-2015 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Linh trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y.

Anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Y. Chị Y cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền chị Y đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006806 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Y vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ; anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã M, huyện V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu